

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: 36/2005/QĐ-BGTVT**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2005*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về việc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

**1.** Mỗi tuyến đường bộ thuộc mạng lưới đường bộ hiện có hoặc theo quy hoạch đều phải được đặt tên hoặc số hiệu theo quy định.

**2.** Các tuyến đường bộ xây dựng mới phải được đặt tên hoặc số hiệu theo quy định tại Quyết định này ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

**3.** Các tuyến đường thuộc hệ thống quốc lộ, đường đô thị, đường chuyên dùng đã đặt tên hoặc số hiệu được giữ nguyên; trong trường hợp cần thiết, việc đặt lại tên hoặc số hiệu phải trên nguyên tắc không xáo trộn gây khó khăn cho sự nhận biết của người dân và công tác quản lý cầu đường.

**4.** Các tuyến đường thuộc hệ thống đường tỉnh đã đặt số hiệu hoặc đường huyện, đường xã đã đặt tên theo quy định của Bộ Giao thông vận tải thì được giữ nguyên; các tuyến đường tỉnh đặt tên hoặc số hiệu chưa theo quy định thì phải đặt lại tên hoặc số hiệu theo đúng quy định tại Quyết định này.

**5.** Trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên hoặc số hiệu của quốc lộ.

**6.** Đối với đường đi trùng nhau ngoài quy định tại khoản 5 Điều này và khoản 4 Điều 2 Quyết định này thì việc đặt tên hoặc số hiệu theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu thuộc cùng một hệ thống đường thì sử dụng tên hoặc số hiệu của đường có cấp kỹ thuật cao hơn;

b) Nếu thuộc nhiều hệ thống đường khác nhau thì sử dụng tên hoặc số hiệu của đường thuộc hệ thống đường có cấp quản lý cao hơn.

**Điều 2. Đặt tên hoặc số hiệu đường bộ**

### **1. Đối với hệ thống quốc lộ:**

a) Khi đặt tên gồm chữ “Đường” kèm theo tên danh nhân, người có công hoặc tên địa danh hoặc tên theo tập quán.

b) Khi đặt số hiệu gồm chữ viết tắt hệ thống quốc lộ (QL), dấu chấm (.), số tự nhiên; trường hợp đặt số hiệu nhiều quốc lộ cùng một số tự nhiên thì đặt kèm thêm một chữ cái, lần lượt từ B đến Z, trừ quốc lộ đầu tiên.

### **2. Đối với các hệ thống đường địa phương:**

a) Khi đặt tên gồm chữ “Đường” kèm theo tên danh nhân, người có công hoặc di tích lịch sử, sự kiện lịch sử - văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán.

b) Khi đặt số hiệu đường tỉnh gồm chữ viết tắt hệ thống đường tỉnh (ĐT), dấu chấm (.), số tự nhiên gồm 3 chữ số quy

định tại Quyết định này (Phụ lục); trường hợp đường tỉnh hết số hiệu quy định thì sử dụng số hiệu đường tỉnh theo quy định kèm thêm một chữ cái, lần lượt từ B đến Z để đặt số hiệu.

c) Số hiệu đường tỉnh qua nhiều tỉnh thì đặt theo số hiệu đường quy định cho tỉnh có điểm đầu. Cách xác định điểm đầu, điểm cuối theo hướng Bắc - Nam hoặc Đông - Tây hoặc từ trung tâm hành chính tỉnh đến thị xã, thị trấn hoặc từ quốc lộ đến trung tâm hành chính tỉnh, trung tâm hành chính huyện, thị xã, thị trấn.

d) Trường hợp tách tỉnh mà đường tỉnh đã có đi qua địa phận hai tỉnh mới hoặc trường hợp nhập tỉnh mà đường tỉnh đã có đi trong địa phận tỉnh mới thì tên hoặc số hiệu đường, điểm đầu, điểm cuối của đường tỉnh vẫn được giữ nguyên như trước khi tách tỉnh, nhập tỉnh.

đ) Khi đặt số hiệu đường đô thị, đường huyện thì cách đặt tương tự như quy định việc đặt số hiệu cho đường tỉnh; riêng số tự nhiên gồm hai chữ số từ 01 đến 99; trường hợp đường đô thị, đường huyện hết số hiệu quy định thì sử dụng số hiệu đường đô thị, đường huyện theo quy định kèm thêm một chữ cái, lần lượt từ B đến Z để đặt số hiệu và chữ viết tắt của hệ thống đường được quy định như sau:

- Chữ viết tắt hệ thống đường đô thị là ĐĐT;



- Chữ viết tắt hệ thống đường huyện là DH.

e) Khi đặt tên đường xã gồm chữ “Đường” kèm theo tên địa danh hoặc tên theo tập quán; không đặt tên đường xã theo số hiệu.

### 3. Đối với đường cao tốc:

a) Khi đặt tên gồm chữ “Đường”, chữ viết tắt của cao tốc là CT và kèm theo tên danh nhân, người có công hoặc di tích lịch sử, sự kiện lịch sử - văn hóa, tên địa danh;

b) Khi đặt số hiệu gồm chữ viết tắt của cao tốc là CT, dấu chấm (.), số tự nhiên gồm hai chữ số từ 01 đến 99; trường hợp đặt số hiệu nhiều đường cao tốc cùng một số tự nhiên thì đặt kèm thêm một chữ cái, lần lượt từ B đến Z, trừ đường cao tốc đầu tiên.

4. Đối với đường bộ của mạng lưới đường bộ Việt Nam tham gia vào mạng lưới đường bộ ASEAN hoặc đường bộ Xuyên Á hoặc mạng đường bộ quốc tế khác thì phải sử dụng cùng lúc cả tên hoặc số hiệu theo quy định tại Quyết định này và tên hoặc số hiệu đường bộ ASEAN hoặc đường bộ Xuyên Á hoặc mạng đường bộ quốc tế khác theo thỏa thuận giữa Việt Nam với các quốc gia có liên quan.

5. Đối với đường chuyên dùng: khi đặt số hiệu đường cho đường chuyên dùng

thì cách đặt tương tự như quy định đặt số hiệu cho đường tỉnh; riêng số tự nhiên gồm hai chữ số từ 01 đến 99; chữ viết tắt của hệ thống đường chuyên dùng là DCD.

**Điều 3.** Thẩm quyền đặt tên hoặc số hiệu

1. Bộ Giao thông vận tải đặt tên, số hiệu đường thuộc hệ thống quốc lộ.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đặt tên đường thuộc hệ thống đường đô thị, đường tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đặt số hiệu đường thuộc hệ thống đường đô thị, đường tỉnh, đặt tên hoặc số hiệu đường thuộc hệ thống đường huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt tên đường thuộc hệ thống đường xã.

4. Tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng đặt số hiệu đường thuộc hệ thống đường chuyên dùng theo nội dung trong văn bản đã thỏa thuận với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi lập dự án.

5. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân đặt tên hoặc số hiệu đường bộ theo thẩm quyền có trách nhiệm công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Điều 4.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 136/QLTC-GT ngày 18 tháng 02 năm 1985 của Bộ Giao thông

vận tải về việc quy định đặt số hiệu đường bộ.

**Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục

trưởng Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

**Đào Đình Bình**

096883374



**Phụ lục**

(kèm theo Quyết định số 36/2005/QĐ-BGTVT  
ngày 21 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**1. Mã số quy định đặt số hiệu đường tỉnh theo đơn vị hành chính:**

| Số thứ tự | Tên đơn vị hành chính | Số hiệu | Số thứ tự | Tên đơn vị hành chính  | Số hiệu |
|-----------|-----------------------|---------|-----------|------------------------|---------|
| 1         | Tỉnh Sơn La           | 101-125 | 33        | Thành phố Đà Nẵng      | 601-605 |
| 2         | Tỉnh Lai Châu         | 126-138 | 34        | Tỉnh Quảng Nam         | 606-620 |
| 3         | Tỉnh Điện Biên        | 139-150 | 35        | Tỉnh Quảng Ngãi        | 621-628 |
| 4         | Tỉnh Lào Cai          | 151-162 | 36        | Tỉnh Bình Định         | 629-640 |
| 5         | Tỉnh Yên Bái          | 163-175 | 37        | Tỉnh Phú Yên           | 641-650 |
| 6         | Tỉnh Hà Giang         | 176-184 | 38        | Tỉnh Khánh Hòa         | 651-660 |
| 7         | Tỉnh Tuyên Quang      | 185-199 | 39        | Tỉnh Gia Lai           | 661-670 |
| 8         | Tỉnh Cao Bằng         | 201-225 | 40        | Tỉnh Kon Tum           | 671-680 |
| 9         | Tỉnh Lạng Sơn         | 226-250 | 41        | Tỉnh Đắk Nông          | 681-686 |
| 10        | Tỉnh Bắc Kạn          | 251-260 | 42        | Tỉnh Đắk Lắk           | 687-699 |
| 11        | Tỉnh Thái Nguyên      | 261-275 | 43        | Tỉnh Ninh Thuận        | 701-710 |
| 12        | Tỉnh Bắc Ninh         | 276-287 | 44        | Tỉnh Bình Thuận        | 711-720 |
| 13        | Tỉnh Bắc Giang        | 288-299 | 45        | Tỉnh Lâm Đồng          | 721-740 |
| 14        | Tỉnh Vĩnh Phúc        | 301-312 | 46        | Tỉnh Bình Dương        | 741-750 |
| 15        | Tỉnh Phú Thọ          | 313-325 | 47        | Tỉnh Bình Phước        | 751-760 |
| 16        | Tỉnh Quảng Ninh       | 326-350 | 48        | Tỉnh Đồng Nai          | 761-780 |
| 17        | Thành phố Hải Phòng   | 351-375 | 49        | Tỉnh Tây Ninh          | 781-799 |
| 18        | Tỉnh Hưng Yên         | 376-387 | 50        | Thành phố Hồ Chí Minh  | 801-815 |
| 19        | Tỉnh Hải Dương        | 388-399 | 51        | Tỉnh Long An           | 816-840 |
| 20        | Thành phố Hà Nội      | 401-410 | 52        | Tỉnh Đồng Tháp         | 841-860 |
| 21        | Tỉnh Hà Tây           | 411-430 | 53        | Tỉnh Tiền Giang        | 861-880 |
| 22        | Tỉnh Hòa Bình         | 431-450 | 54        | Tỉnh Bến Tre           | 881-899 |
| 23        | Tỉnh Thái Bình        | 451-475 | 55        | Tỉnh Vĩnh Long         | 901-910 |
| 24        | Tỉnh Ninh Bình        | 476-483 | 56        | Tỉnh Trà Vinh          | 911-915 |
| 25        | Tỉnh Nam Định         | 484-490 | 57        | Thành phố Cần Thơ      | 916-924 |
| 26        | Tỉnh Hà Nam           | 491-499 | 58        | Tỉnh Hậu Giang         | 925-931 |
| 27        | Tỉnh Thanh Hóa        | 501-530 | 59        | Tỉnh Sóc Trăng         | 932-940 |
| 28        | Tỉnh Nghệ An          | 531-545 | 60        | Tỉnh An Giang          | 941-960 |
| 29        | Tỉnh Hà Tĩnh          | 546-557 | 61        | Tỉnh Kiên Giang        | 961-975 |
| 30        | Tỉnh Quảng Bình       | 558-570 | 62        | Tỉnh Bạc Liêu          | 976-982 |
| 31        | Tỉnh Quảng Trị        | 571-588 | 63        | Tỉnh Cà Mau            | 983-990 |
| 32        | Tỉnh Thừa Thiên - Huế | 589-599 | 64        | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 991-999 |

**2. Ví dụ về cách đặt số hiệu cho các hệ thống đường địa phương:****a) Đối với hệ thống đường tỉnh (ĐT):**

Tên đường tỉnh đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐT.x

- ĐT là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường tỉnh;

- x là số hiệu đường tỉnh theo quy định tại Quyết định này;

Đường thuộc hệ thống đường tỉnh Sơn La được đặt theo số hiệu theo quy định tại Quyết định này từ 101 đến 125, nhưng tỉnh Sơn La có 26 tuyến đường tỉnh, đặt lần lượt từ 101 đến 125 thì hết số hiệu mà vẫn còn tuyến đường tỉnh thứ 26 chưa có số hiệu. Sau khi nghiên cứu thì tuyến đường số 26 có nhiều yếu tố gần với tuyến đường tỉnh thứ 20 (ĐT.120) như liền kề giữa hai tuyến, hướng tuyến, tiêu chuẩn kỹ thuật thì đặt số hiệu của đường tỉnh thứ 26 là ĐT.120B; được viết trên cột kilômét là ĐT.120B.

**b) Đối với hệ thống đường huyện (ĐH):**

Tên đường huyện đặt theo số hiệu quy định chung như sau: DH.x

- DH là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường huyện;

- x là số thứ tự của các tuyến đường huyện thuộc huyện đó (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99);

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đặt đường nối từ ngã ba Bản Cầm QL70 đi Lũng Khấu Nhìn là đường huyện có số hiệu 11 nằm trên địa bàn huyện Mường Khương, được viết trên cột kilômét là DH.11.

**c) Đối với hệ thống đường xã:**

Tên đường xã đặt tên theo quy định chung như sau: Đường A

- A là tên đường được đặt theo địa danh hoặc theo tập quán;

Đường Mỏ Đồng Bền thuộc xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình;

Đường Bãi Bệ - Nam Hồng thuộc xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

**d) Đối với hệ thống đường đô thị (ĐĐT):**

Tên đường đô thị đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐĐT.x

- ĐĐT là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường đô thị;

- x là số thứ tự của các tuyến đường đô thị thuộc thị xã, thị trấn đó (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99);

Thị xã Ninh Bình của tỉnh Ninh Bình: theo quy hoạch có 15 tuyến đường đô thị. Tên đường đô thị đặt theo số hiệu của thị xã Ninh Bình như sau: ĐĐT.01; ĐĐT.02; ...; ĐĐT.15.

**đ) Đối với hệ thống đường chuyên dùng (ĐCD):**



- Tên đường chuyên dùng đặt theo số hiệu quy định chung như sau: ĐCD.x
- ĐCD là ký hiệu viết tắt của tên hệ thống đường chuyên dùng;
- x là số thứ tự của các tuyến đường chuyên dùng thuộc tỉnh đó (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99);

Tỉnh Bình Dương: theo quy hoạch có 5 tuyến đường chuyên dùng. Tên đường chuyên dùng đặt theo số hiệu của tỉnh Bình Dương như sau: ĐCD.01; ĐCD.02; ... ĐCD.05.

**3. Ví dụ cách đặt tên hoặc số hiệu đường thuộc hệ thống quốc lộ (QL), đường thuộc hệ thống đường địa phương trùng với đường ASEAN (AH):**

QL.x-AH.y hoặc ĐT.x-AH.y, ĐH.x-AH.y

Trong đó:

- x- là tên hoặc số hiệu đường trong nước;
- y- là tên hoặc số hiệu đường ASEAN.